TOÁN 3 – ÔN TẬP HÈ: BẢNG NHÂN CHIA 2 ĐẾN 9

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Quan sát nhóm hình sau. Muốn lấy $\frac{1}{6}$ số hình trong nhóm thì cần chọn bao nhiêu hình?

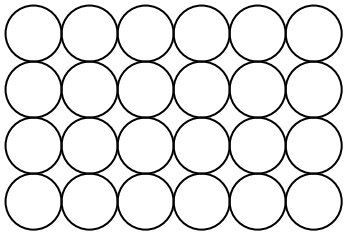

A. 5 Hình B. 18 Hình C. 6 Hình D. 4 Hình

Câu 2. Quan sát các hình tròn dưới đây. Chọn phân số chỉ phần hình tròn được tô đậm so với cả nhóm.

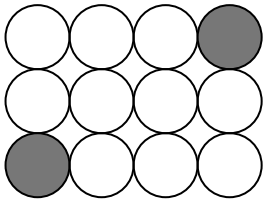

A. $\frac{1}{9}$ B. $\frac{1}{6}$ C. $\frac{1}{2}$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 3. Quan sát lịch hoạt động trong một tuần sau. Một ngày là một phần mấy của cả tuần?

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật
Đọc sách	Tập thể dục	Học bài	Vẽ tranh	Dọn phòng	Chơi cờ	Nghỉ ngơi

A. $\frac{1}{8}$ B. $\frac{1}{6}$ C. $\frac{1}{5}$ D. $\frac{1}{7}$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Điền số còn thiếu trong mỗi sơ đồ cộng thêm 3.

a) Quan sát sơ đồ và điền số còn thiếu:

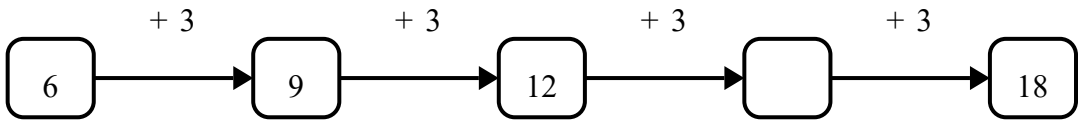

b) Quan sát sơ đồ và điền số còn thiếu:

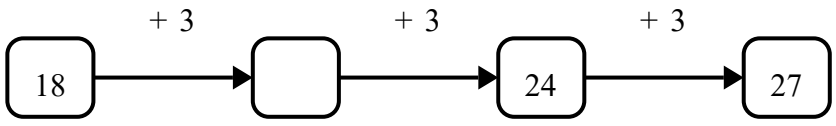

c) Quan sát sơ đồ và điền số còn thiếu:

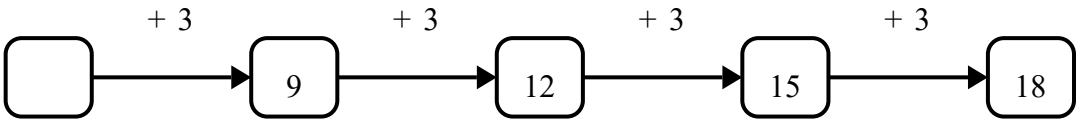

d) Quan sát sơ đồ và điền số còn thiếu:

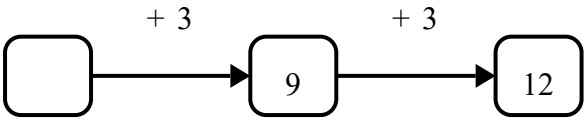

Bài 2. Tính các biểu thức sau.

a) $(8 + 16) : 4 =$ ..... b) $(4 + 0) : 4 =$ ..... c) $(12 + 8) : 4 =$ ..... d) $(4 + 36) : 4 =$ .....

Bài 3. Mẹ An mua 4 kg gạo tám hết 48 000 đồng. Biết giá mỗi ki-lô-gam gạo là như nhau.

a) Tính giá tiền của 1 kg gạo.

b) Nếu mua 6 kg gạo cùng loại thì cần trả bao nhiêu đồng?

Bài giải

……

……

……

……

Bài 4. Tính giá trị các biểu thức sau.

a) $78\,656 + 48 : 6 =$ ..... b) $7644 - 54 : 6 =$ .....

c) $18 : 6 + 93\,776 =$ ..... d) $54 : 6 - 8 =$ .....

Bài 5. Điền số còn thiếu trong mỗi chuỗi phép tính.

a)

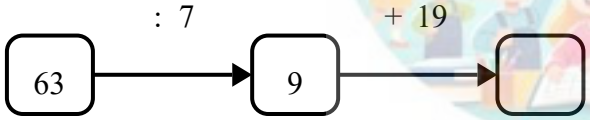

b)

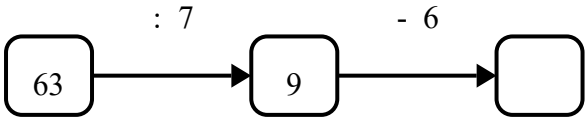

c)

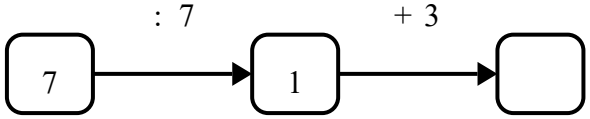

d)

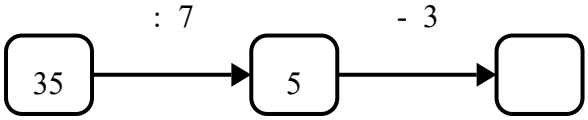

Bài 6. Điền tích còn thiếu để hoàn thành bảng nhân 8.

$8 \times 1 = 8$

$8 \times 2 =$ .....
$8 \times 3 =$ .....
$8 \times 4 = 32$
$8 \times 5 = 40$
$8 \times 6 =$ .....
$8 \times 7 =$ .....
$8 \times 8 =$ .....
$8 \times 9 =$ .....
$8 \times 10 = 80$

Bài 7. Điền số đo còn thiếu trong mỗi sơ đồ chuỗi phép tính.

a) Điền số đo còn thiếu vào ô trống trong sơ đồ sau:

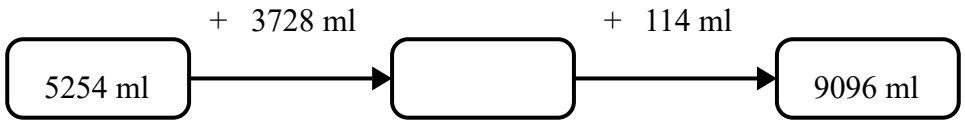

b) Điền số đo còn thiếu vào ô trống trong sơ đồ sau:

c) Điền số đo còn thiếu vào ô trống trong sơ đồ sau:

d) Điền số đo còn thiếu vào ô trống trong sơ đồ sau:

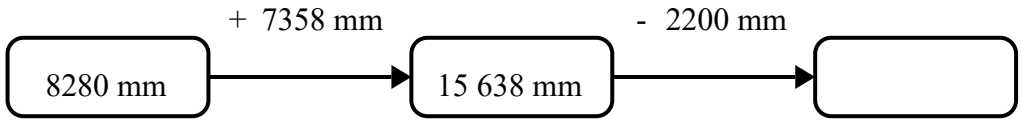

Bài 8. Nối mỗi phép chia trong bảng chia 9 với thương đúng.

Bài 9. Nối mỗi tình huống thực tế ngắn với phép tính nhân hoặc chia phù hợp.

Mỗi thùng có 42 chai nước. Cửa hàng có 6 thùng như vậy.	132 : 3
Có 132 cái kẹo chia đều cho 3 bạn.	6940 : 2
Mỗi khay có 6 quả trứng. Mẹ mua 4 khay trứng.	17 228 : 4
Có 17 228 quyển vở được đóng đều vào 4 hộp.	42 × 6
Một xưởng sản xuất được 6940 sản phẩm trong 2 ngày, mỗi ngày làm được số sản phẩm như nhau.	6 × 4

Bài 10. Điền số còn thiếu trong mỗi dãy số.

a) | 35 | 42 | | 56 | 63 | 70 |

b) | 7 | 14 | | 28 | 35 |

c) | 28 | 35 | | 49 | 56 |

d) | 6 | 12 | 18 | 24 | | 36 | 42 | 48 |

Bài 11. Bạn Dũng đến hiệu sách mua 2 tập giấy màu, mỗi tập giấy màu giá 28 700 đồng, và mua 2 quyển vở, mỗi quyển vở giá 10 900 đồng.
Tính tổng số tiền bạn Dũng phải trả cho cả hai loại hàng.

Bài giải

……
……
……
……

Bài 12. Quan sát sơ đồ chuỗi phép tính rồi điền số còn thiếu ở ô giữa.

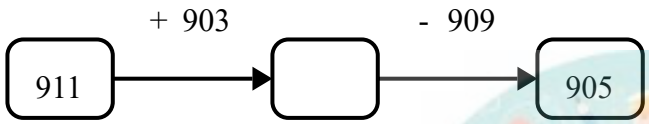

Bài 13. Giải bài toán sau.

Cô giáo chuẩn bị 230 quyển vở để thưởng cho học sinh. Đã tặng $\frac{1}{5}$ số vở đó. Còn lại bao nhiêu quyển vở?

Bài giải

……
……
……
……
……

Bài 14. Điền dấu thích hợp vào chỗ trống.

a) $(28\,565 - 11\,988) + 50\,036$ ... $(8102 \times 8) + 0$

b) $(51\,111 : 9) : 3$ ... $(13\,251 : 7) + 0$

c) $2 \times (5517 \times 6)$ ... $(30\,686 \times 2) + 1$

d) $7 \times (19\,228 - 15\,038)$ ... $(4922 \times 6) + 2$

----HẾT---